

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo

2. Bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị M – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 10, thôn Dương Phạm, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Liên Minh, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn K – Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện M, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị M, anh K xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, bản tự khai ngày 27/4/2022 nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn K năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khi có 02 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K hay rượu chè, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Yên Nhân để sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Kiên.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Vũ L, sinh ngày 06/8/2012 và Trần Minh L, sinh ngày 30/5/2014. Chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai ngày 29/4/2022, anh Trần Văn K trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh K trình bày phù hợp với lời khai của Chị M. Sau khi kết hôn anh và Chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, to tiếng, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh và Chị M sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay Chị M xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với Chị M, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh xác nhận anh và Chị M có 02 con chung như Chị M đã trình bày. Anh đề nghị Chị M nuôi cả hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị M.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng Chị M, anh K không thống nhất giải quyết được các vấn đề trong vụ án, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị M, anh K có đơn xin vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” do nguyên đơn chị Dương Thị M thực hiện quyền khởi kiện. Chị M, anh K có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị M, anh Trần Văn K đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa Chị M, anh K được xác lập vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Anh K, Chị M đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn Anh K, anh K không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với Chị M và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con. Xét thấy quan hệ hôn nhân của Chị M, anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian anh chị sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị M xử cho Chị M, anh K ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị M, anh K có 02 con chung là Trần Vũ L, sinh ngày 06/8/2012 và Trần Minh L, sinh ngày 30/5/2014. Chị M đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh K cũng đồng ý với quan điểm đề nghị giải quyết việc nuôi con chung của Chị M trong trường hợp vợ chồng anh, chị ly hôn. Vì vậy, HĐXX thấy cần giao hai cháu L, L cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của Chị M không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị M, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Dương Thị M và anh Trần Văn Kiên.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Vũ L, sinh ngày 06/8/2012, Trần Minh L, sinh ngày 30/5/2014 cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị M. .

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị M, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị M đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003589, ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Chị M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Chị Dương Thị M, anh Trần Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Tảo

Trương Thị Dung

Nguyễn Thị Minh Tâm